

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỐT NỐT
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

Bản án số: 80/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 30-8-2023

V/v “tranh chấp ly hôn và hợp
đồng tín dụng”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỐT NỐT, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Khúc Thị Hồng

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Viết Ngoan

2/ Ông Tăng Tài Thủ

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân
quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ
tham gia phiên tòa:*** Ông Hồng Quốc Vệ - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt,
thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý
số 127/2023/TLST- HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ
án ra xét xử số: 169/2023/QĐXX-ST ngày 26 tháng 7 năm 2023 và Quyết định
hoãn phiên tòa số 179/2023/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2023 giữa các
đương sự:

- *Nguyên đơn:* chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1989, *đề nghị vắng mặt*

ĐKTT: khu vực T, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.

Chỗ ở hiện nay: 405 ấp T, xã T, huyện P, tỉnh Hậu Giang.

- *Bị đơn:* anh Huỳnh Đức H, sinh năm 1979, *vắng mặt lần 2 không lý do*

Địa chỉ: khu V, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Ngân hàng C1.

Địa chỉ: số A phố L, phường H, quận H, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: ông Dương Quyết T, chức vụ: Tổng giám đốc.

Ủy quyền tham gia tố tụng: anh Phạm Nguyễn Hoàn V theo văn bản ủy
quyền ngày 30/8/2023, *có mặt*

Địa chỉ: A N, khu vực L, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ nguyên đơn trình
bày và yêu cầu như sau:*

Hôn nhân giữa chị và anh H đến với nhau do mai mối, tìm hiểu khoảng 1 tháng, có tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn ngày 30/01/2008 tại Ủy ban nhân dân phường T, quận T. C sống hạnh phúc đến tháng 08/2022 thì phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân. Nguyên nhân do anh H thường xuyên uống rượu, không chung thủy trong đời sống vợ chồng. Thời gian ly thân sống mỗi người một nơi, cả hai cũng có liên hệ hàn gắn tình cảm, nhưng không thành.

Về tình cảm đối với anh H nhận thấy không còn nên xin ly hôn.

Về con chung: có 03 con chung, cháu Huỳnh Gia L, sinh ngày 24/6/2008, Huỳnh Gia B, sinh ngày 02/7/2011 và cháu Huỳnh Gia P, sinh ngày 03/9/2017. Thời gian ly thân cháu Gia P sống chung với chị còn cháu Gia L và Gia B sống chung với anh H, nên khi ly hôn chị giao cháu Gia L và Gia B cho anh H nuôi dưỡng, còn cháu Gia P chị nuôi dưỡng và không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, riêng: không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: trong thời gian chị sống chung với anh H có vay tiền của ngân hàng C1 theo chương trình cho vay hộ mới thoát nghèo theo giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 19/5/2017 được phê duyệt của ngân hàng ngày 24/5/2017 với số tiền vay gốc 20.000.000đ, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất 0.6875%/tháng, lãi suất quá hạn 130% lãi suất khi cho vay. Kỳ hạn trả nợ cuối cùng 18/5/2022. Ngày 10/9/2019 tiếp tục vay thêm số tiền 25.000.000đ theo giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay, được phê duyệt của ngân hàng ngày 10/9/2019 thời hạn vay 60 tháng, lãi suất 8.25%/năm, lãi suất quá hạn 130% lãi suất khi cho vay. Kỳ hạn trả nợ cuối cùng 18/9/2024. Lãi tiền vay cả hai hợp đồng đều trả hàng tháng. Mục đích vay của hai hợp đồng trên dùng để sửa tiệm và vốn mua bán tạp hóa. Đối với hợp đồng vay ngày 19/5/2017 đã trả được nợ gốc 10.000.000đ. Kể từ khi dịch covid 19 đến nay do hoàn cảnh kinh tế nên ngưng thanh toán cho ngân hàng như thỏa thuận. Tính đến ngày 11/7/2023 còn nợ ngân hàng cả hai hợp đồng là 37.824.207đ, trong đó nợ gốc 35.000.000đ và tiền lãi 2.824.207đ (nợ lãi của món vay ngày 19/5/2017 lãi trong hạn 806.913đ, món vay ngày 10/9/2019 lãi trong hạn 2.017.294đ).

Chị không đồng ý cùng anh H có trách nhiệm trả nợ cho ngân hàng vì chị với anh H đã thỏa thuận anh H có trách nhiệm trả cho ngân hàng còn chị có nghĩa vụ trả cho số nợ khác.

Bị đơn quá trình giải quyết dù đã được Tòa án triệu tập, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Theo đơn yêu cầu độc lập và quá trình giải quyết đại diện ngân hàng C1 trình bày và yêu cầu:

Ngày 25/5/2017 chị M anh H có vay của ngân hàng C1 số tiền 20.000.000đ theo hợp đồng vay vốn số 6600000710368817 với mục đích sửa tiệm, mua bàn ghế bán tạp hóa. Ngày 18/02/2021 đã trả được số tiền nợ gốc 10.000.000đ. Ngày 17/5/2022 món vay được gia hạn đến ngày 18/7/2024. Ngày 18/9/2019 chị M anh H vay của ngân hàng số tiền 25.000.000đ theo hợp đồng

vay vốn số 6600000716207893 với mục đích sửa tiệm, mua bán tạp hóa.

Chị M có thực hiện đóng lãi hàng tháng theo quy định đối với hai hợp đồng vay trên cho đến ngày 18/7/2022 đến nay không thực hiện đóng lãi hàng tháng. Tính đến ngày 26/7/2023 đối với hợp đồng vay ngày 25/5/2017 còn nợ ngân hàng 10.843.077đ, trong đó nợ gốc 10.000.000đ nợ lãi 843.077đ, đối với hợp đồng vay ngày 18/9/2019 còn nợ ngân hàng 27.107.705đ, trong đó nợ gốc 25.000.000đ nợ lãi 2.107.705đ

Ngân hàng C1 yêu cầu chị M và anh H có trách nhiệm trả cho ngân hàng số tiền của hai hợp đồng tạm tính đến ngày 26/7/2023 tổng cộng 37.950.782đ, trong đó nợ gốc 35.000.000đ và nợ lãi 2.950.782đ.

Để giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân giữa chị M và anh H. Tại biên bản xác minh ngày 12/6/2023 của Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, địa phương cho biết chị M và anh H là vợ chồng có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống anh chị có 03 con chung tên Huỳnh Gia L, Huỳnh Gia B và Huỳnh Gia P. Nguyên nhân ly hôn không rõ. Anh H vẫn còn đăng ký thường trú tại khu vực T, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ. Anh H đã đi làm xa và có về nhà.

Phần các đương sự trình bày tại phiên tòa:

Đại diện người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ngân hàng C1: Quá trình giải quyết phía ngân hàng trình bày chị M và anh H vay tiền của ngân hàng theo hợp đồng vay vốn số 6600000710368817 ngày 25/5/2017 và hợp đồng vay vốn số 6600000716207893 ngày 18/9/2019 nay ngân hàng xác định lại là hợp đồng vay vốn số 6600000710368817 ngày 24/5/2017 được giải ngân vào ngày 25/5/2017 và hợp đồng vay vốn số 6600000716207893 ngày 13/9/2019 được giải ngân ngày 18/9/2019. Ngân hàng C1 vẫn giữ nguyên yêu cầu độc lập. Yêu cầu chị M và anh H có trách nhiệm trả cho ngân hàng số tiền của hai hợp đồng tính đến ngày 30/8/2023 tổng cộng 38.227.664đ trong đó nợ gốc 35.000.000đ, nợ lãi 3.227.664đ (nợ gốc của hợp đồng vay ngày 24/5/2017 là 10.000.000đ, nợ lãi 922.186đ còn nợ gốc của hợp đồng vay ngày 13/9/2019 là 25.000.000đ, nợ lãi là 2.305.478đ và yêu cầu tính lãi suất phát sinh cho đến khi thanh toán xong.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Về thủ tục tố tụng: Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của pháp luật, riêng bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định.

Về việc giải quyết vụ án: đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Chấp nhận yêu cầu độc lập của ngân hàng C1. Về hôn nhân: chị Nguyễn Thị M được ly hôn với anh Huỳnh Đức H; Về con: giao cháu Huỳnh Gia L, sinh ngày 24/6/2008, Huỳnh Gia B, sinh ngày 02/7/2011 cho bị đơn anh H nuôi dưỡng, còn cháu Huỳnh Gia P, sinh ngày 03/9/2017 giao chị M nuôi dưỡng và không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, riêng: không xem xét giải quyết do đương sự không yêu cầu. Về nợ chung: buộc chị Nguyễn Thị M và anh

Huỳnh Đức H phải có trách nhiệm trả cho ngân hàng C1 số tiền vay tính đến ngày 30/8/2023 là 38.227.664đ, trong đó nợ gốc 35.000.000đ, nợ lãi 3.227.664đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa:

[1] Về tố tụng: nguyên đơn chị Nguyễn Thị M khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn anh Huỳnh Đức H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ngân hàng C1 có yêu cầu độc lập, yêu cầu nguyên đơn và bị đơn trả nợ vay. Hội đồng xét xử nhận định đây là vụ án tranh chấp ly hôn và tranh chấp hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị M và anh Huỳnh Đức H đăng ký kết hôn ngày 30/01/2008 tại ủy ban nhân dân phường T, quận T trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Về nguyên nhân dẫn đến ly hôn chị M cho rằng do anh H không chung thủy và không quan tâm chăm lo gia đình, đã sống ly thân từ tháng 08/2022 đến nay. Chị M xác định không còn tình cảm với anh H nên xin được ly hôn. Quá trình giải quyết Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh H nhiều lần để tham gia tố tụng nhưng đều vắng mặt và không có ý kiến. Hội đồng xét xử nhận thấy, về thực tế đời sống vợ chồng giữa chị M và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cho chị M được ly hôn với anh H là phù hợp.

[3] Về con chung: theo lời khai của chị M và kết quả xác minh của Tòa án, chị M và anh H có 03 con chung cháu Huỳnh Gia L, sinh ngày 24/6/2008, Huỳnh Gia B, sinh ngày 02/7/2011 và cháu Huỳnh Gia P, sinh ngày 03/9/2017. Cháu Gia L và Gia B đều trên 07 tuổi, quá trình giải quyết vụ án Tòa án không ghi nhận được ý kiến của hai cháu có nguyện vọng được sống chung với ai. Tuy nhiên, thời gian ly thân hai cháu sống chung với anh H, còn cháu Gia P sống chung với chị M, khi ly hôn chị M có yêu cầu giao cháu Gia L và cháu Gia B cho anh H nuôi dưỡng còn cháu Gia P do chị nuôi dưỡng không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử nhận thấy, để đảm bảo môi trường sống của các cháu được ổn định cần tiếp tục giao cháu Gia L và Gia B cho anh H nuôi dưỡng, còn cháu Gia P giao chị M nuôi dưỡng và không ai phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Đương sự không yêu cầu nên không đặt vấn đề giải quyết.

[4] Về tài sản chung, riêng: đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: chị M thừa nhận trong thời kỳ hôn nhân chị và anh H có nợ ngân hàng C1 theo hợp đồng vay ngày 24/5/2017 và hợp đồng vay ngày 13/9/2019. Mục đích vay để sửa tiệm và vốn mua bán tạp hóa. Do dịch bệnh

covid 19 đến nay hoàn cảnh kinh tế khó khăn đã ngưng thanh toán nợ cho ngân hàng. Hiện còn nợ ngân hàng cả hai hợp đồng 35.000.000đ nợ gốc và nợ lãi. Đối với khoản nợ của ngân hàng chị không đồng ý cùng anh H có trách nhiệm trả vì chị với anh H đã thỏa thuận anh H có trách nhiệm trả cho ngân hàng còn chị có nghĩa vụ trả số nợ khác của vợ chồng.

[6] Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ngân hàng C1 có yêu cầu độc lập yêu cầu chị M và anh H có trách nhiệm trả nợ vay cho ngân hàng tính đến ngày 30/8/2023 tổng cộng 38.227.664đ, nợ gốc 35.000.000đ, nợ lãi 3.227.664đ (hợp đồng vay ngày 24/5/2017 nợ gốc 10.000.000đ, nợ lãi là 922.186đ, hợp đồng vay ngày 13/9/2019 nợ gốc 25.000.000đ, nợ lãi 2.305.478đ).

Đối với yêu cầu độc lập của của ngân hàng H1 xét xử nhận thấy:

Ngày 19/5/2017 chị M có làm giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay và được ngân hàng phê duyệt ngày 24/5/2017 cho vay 20.000.000đ với lãi suất 0.6875%/tháng, lãi suất nợ quá hạn 130% lãi suất khi cho vay. Thời hạn vay 60 tháng. Kỳ hạn trả nợ 12 tháng/lần, lãi tiền vay trả định kỳ hàng tháng vào ngày 18. Ngày 10/9/2019 chị M tiếp tục làm giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay và được ngân hàng phê duyệt ngày 13/9/2019 cho vay 25.000.000đ với lãi suất 8.25 %/năm, lãi suất nợ quá hạn 130% lãi suất khi cho vay, thời hạn vay 60 tháng. Kỳ hạn trả nợ 12 tháng/lần, lãi tiền vay trả định kỳ hàng tháng vào ngày 18. Chương trình cho vay đối với hai hợp đồng trên là đối với hộ mới thoát nghèo, vay với mục đích sửa tiệm, vốn mua bán tạp hóa. Từ ngày 18/7/2022 chị M vi phạm nghĩa vụ theo hợp đồng, ngưng thanh toán cho ngân hàng. Căn cứ Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu độc lập của ngân hàng. Buộc chị M và anh H mỗi người có trách nhiệm trả $\frac{1}{2}$ nợ vay cho ngân hàng C1, tính đến ngày 30/8/2023 mỗi người phải trả nợ gốc là 17.500.000đ, nợ lãi là 1.613.832đ.

[7] Về án phí: nguyên đơn, bị đơn phải nộp theo quy định.

[8] Lời phát biểu của kiểm sát viên về phần thủ tục tố tụng, cũng như đề xuất ý kiến về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định và quyết định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 235, 254, 262, 264, 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 27, 37, 51, 53, 54, 56, 59, 69, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

- Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị M.

Chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ngân hàng C1.

Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị M được ly hôn với anh Huỳnh Đức H.

Về con chung: có 03 con chung tên Huỳnh Gia L, sinh ngày 24/6/2008, Huỳnh Gia B, sinh ngày 02/7/2011 và cháu Huỳnh Gia P, sinh ngày 03/9/2017. Giao cháu Gia L và Gia B cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng, còn cháu Gia P giao chị M nuôi dưỡng đến khi con chung thành niên và không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho chị M và anh H không ai được cản trở anh chị thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con chung các đương sự có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung, riêng: đương sự không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

Về nợ chung:

Buộc chị Nguyễn Thị M có trách nhiệm trả cho ngân hàng C1 số tiền vay tính đến ngày 30/8/2023 nợ gốc 17.500.000đ (*mười bảy triệu năm trăm nghìn đồng*) và nợ lãi 1.613.832đ (*một triệu, sáu trăm mười ba nghìn, tám trăm ba mươi hai đồng*).

Buộc anh Huỳnh Đức H có trách nhiệm trả cho ngân hàng C1 số tiền vay tính đến ngày 30/8/2023 nợ gốc 17.500.000đ (*mười bảy triệu năm trăm nghìn đồng*) và nợ lãi 1.613.832đ (*một triệu, sáu trăm mười ba nghìn, tám trăm ba mươi hai đồng*).

Kể từ ngày 31/8/2023 chị M và anh H còn phải chịu lãi suất phát sinh theo mức lãi suất các bên thỏa thuận theo giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 19/5/2017 được phê duyệt của ngân hàng ngày 24/5/2017 và giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 10/9/2019 được phê duyệt của ngân hàng ngày 13/9/2019 các bên đã giao kết, đến khi thanh toán dứt nợ.

Về án phí:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị M phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí đối với phần nghĩa vụ về tài sản là 956.000đ (*chín trăm năm mươi sáu nghìn đồng*). Tổng cộng chị M phải nộp 1.256.000đ (*một triệu, hai trăm năm mươi sáu nghìn đồng*), nhưng được chuyển từ số tiền tạm nộp án phí sang án phí đã nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0003939 ngày 26/5/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ, chị M còn phải nộp thêm 956.000đ (*chín trăm năm mươi sáu nghìn đồng*).

Bị đơn anh Huỳnh Đức H phải nộp án phí đối với phần nghĩa vụ về tài sản là 956.000đ (*chín trăm năm mươi sáu nghìn đồng*).

Về quyền kháng cáo: đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử lại theo trình tự phúc thẩm. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày (*mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND Tp. Cần Thơ;
- VKS quận Thốt Nốt;
- Chi THA dân sự quận Thốt Nốt;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Khúc Thị Hồng